

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1653

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Cho hai tập hợp $A = \{5; 7; 8\}$ và $B = \{5; 6\}$. Tập $A \cup B$ là:A. $\{5; 6\}$ B. $\{5; 6; 7; 8\}$ C. $\{5\}$ D. $\{5; 7; 8\}$ **Câu 2:** Cho hai tập hợp $A = \{3; 4; 7\}$ và $B = \{3; 8\}$. Tập $A \setminus B$ là:A. $\{4; 7\}$ B. $\{3; 4; 7\}$ C. $\{8\}$ D. $\{3\}$ **Câu 3:** Tung độ đỉnh của parabol $y = x^2 - 8x + 2$ là:

A. -22

B. -5

C. -9

D. -14

Câu 4: Điểm nào sau đây thuộc miền nghiệm của bất phương trình $3x + y \leq 16$?

A. (3; 3)

B. (5; 8)

C. (8; 5)

D. (6; 7)

Câu 5: Cho hai tập hợp $A = \{2; 4; 6; 9\}$ và $B = \{4; 6; 7\}$. Tập $A \setminus B$ là:A. $\{2; 4; 6; 9\}$ B. $\{4; 6\}$ C. $\{7\}$ D. $\{2; 9\}$ **Câu 6:** Cho hai khoảng $A = (0; 4)$ và $B = (3; 5)$. Tập $A \cap B$ là:

A. (3; 5)

B. (3; 4)

C. (0; 4)

D. (0; 5)

Câu 7: Cho hai tập hợp $A = \{4; 5; 7\}$ và $B = \{1; 3; 5\}$. Số phần tử của tập $A \cup B$ là:

A. 5

B. 7

C. -1

D. 6

Câu 8: Cho hai tập hợp $A = \{1; 6\}$ và $B = \{6; 9\}$. Số phần tử của tập $A \cup B$ là:

A. 11

B. 3

C. -1

D. 4

Câu 9: Cho hai tập hợp $A = \{1; 2; 5; 7\}$ và $B = \{2; 5; 6; 8\}$. Tập $A \setminus B$ là:A. $\{1; 2; 5; 7\}$ B. $\{1; 7\}$ C. $\{2; 5\}$ D. $\{6; 8\}$

Câu 10: Cho hai tập hợp $A = \{7; 9\}$ và $B = \{1; 7\}$. Tập $A \cup B$ là:

A. $\{1; 7\}$

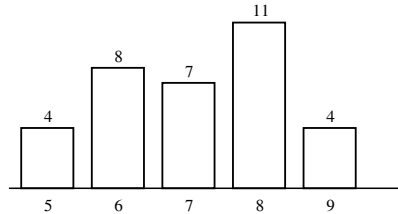
B. $\{7; 9\}$

C. $\{1; 7; 9\}$

D. $\{7\}$

Câu 11: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Số học sinh đạt điểm 9 là:

Số HS



A. 13

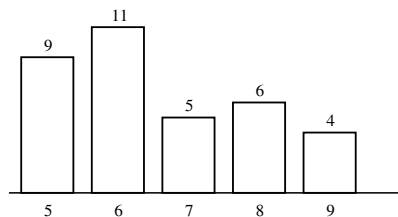
B. 6

C. 4

D. 11

Câu 12: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Điểm số có nhiều học sinh đạt nhất là:

Số HS



A. 6

B. 7

C. 5

D. 8

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho hàm số $y = x^2 - 12x + 13$.

a) Trục đối xứng của parabol là đường thẳng $x = 12$.

b) Tọa độ đỉnh của parabol là $(12; 13)$.

c) Hàm số đạt giá trị nhỏ nhất bằng -23 .

d) Hàm số nghịch biến trên khoảng $(-\infty; 6)$.

Câu 2: Cho tam giác ABC có hai cạnh $b = 12$, $c = 7$ và góc $A = 60^\circ$.

a) $\cos(A) = 1$.

b) Bình phương cạnh a bằng 193.

c) Diện tích tam giác bằng $21\sqrt{3}$ (đvdt).

d) Bán kính đường tròn ngoại tiếp $R = 10,44$.

Câu 3: Cho tập hợp X có 4 phần tử. Xét hai tập hợp A, B (không liên quan đến X) với $|A| = 4, |B| = 6, |A \cap B| = 2$.

- a) Tập X có 16 tập con.
- b) Tập X có 16 tập con khác rỗng.
- c) $|A \cup B| = 10$.
- d) $|A \cup B| = |A| + |B| - |A \cap B|$.

Câu 4: Chiều cao (cm) của 5 cây giống lần lượt là 9; 10; 11; 12; 13.

- a) Số trung bình bằng 12.
- b) Trung vị của mẫu bằng 10.
- c) Phương sai của mẫu bằng 3.
- d) Độ lệch chuẩn của mẫu bằng 1,41.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Một lớp có 11 bạn giỏi Lí, 11 bạn giỏi Hoá và 5 bạn giỏi cả hai môn. Hỏi lớp có bao nhiêu bạn giỏi ít nhất một trong hai môn? Trả lời:

Câu 2: Một vật được ném lên cao, độ cao (m) sau t giây là $h(t) = -5t^2 + 60t + 20$. Độ cao lớn nhất vật đạt được là bao nhiêu mét? Trả lời:

Câu 3: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $F = 3x + 2y$ trên miền nghiệm của hệ $x \geq 0, y \geq 0, x + y \geq 4$. Trả lời:

Câu 4: Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 52 m. Diện tích lớn nhất là bao nhiêu m^2 ? Trả lời:

Câu 5: Tam giác ABC có cạnh $a = 18$ và góc $A = 150^\circ$. Tính bán kính R của đường tròn ngoại tiếp tam giác. Trả lời:

Câu 6: Cho hai tập hợp $A = \{1; 3; 6; 11; 12\}$ và $B = \{1; 5; 8; 13; 15\}$. Tập $A \setminus B$ có bao nhiêu phần tử? Trả lời:

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 10
(Đợt 2) — Đề số 8

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	D	A	D	B	A	B	B	C	C	A

Phần II. Đúng / Sai

Câu	a)	b)	c)	d)
1	S	S	Đ	Đ
2	S	S	Đ	S
3	Đ	S	S	Đ
4	S	S	S	Đ

Phần III. Trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	17	200	8	169	18	4

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*